

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 16/04/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thu Ba**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Đặng Ngọc Thúy**  
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Công Hồng Lĩnh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* **Võ Thị Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2024/QĐXXST-DS ngày 11/03/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2024/QĐST-DS ngày 26/03/2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** – Địa chỉ: **Số H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội** – Địa chỉ liên lạc: **Tầng D, số A đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng**.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý. Theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông **Trần Đình L** – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 320/2023/UQ-VPB ngày 11/9/2023. Có mặt.

\* Bị đơn: Ông **Trương Thanh H** - Sinh năm 1962 và bà **Đặng Thị N (Đặng Thị Thùy N1)** - Sinh năm 1959 - Cùng địa chỉ: **K N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt không có lý do.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3/ Ông **Trương Thanh H1** – Sinh năm: 1988

4/ Bà **Võ Thị Quỳnh N2** – Sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: K N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện và trình bày ngày 08/04/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Trần Đình L** trình bày:*

Ngày 17/10/2019 Ngân hàng TMCP S với ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** (**Đặng Thị Thùy N1**) đã ký Hợp đồng cho vay số LN191009175375 để ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** (**Đặng Thị Thùy N1**) vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên cho ông **H** và bà **N1**, mục đích bổ sung vốn mở rộng phát triển kinh doanh tạp hóa, các kỳ trả nợ gốc và lãi theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/11/2019 với số tiền là 5.358.000đ, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,4%/năm, lãi suất được tính theo năm là 365 ngày, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

\* Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại **tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL406463, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09496 do **UBND quận T, thành phố Đà Nẵng** cấp ngày 30/10/2007 cho ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** theo Hợp đồng thế số 005828 ký ngày 14/10/2019.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **V1** theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 15/06/2022 nên khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, cử cán bộ đến đôn đốc nhưng ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc quá hạn và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và khởi kiện ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** ra Tòa án để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Tính đến ngày 16/04/2024 ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** đã trả được tổng số tiền là 577,858,162 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm

năm mươi tám ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc là 382,517,138 đồng và tiền lãi là 195,341,024 đồng.

Tạm tính đến ngày 16/04/2024, ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** còn nợ **V1** theo Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là 93,242,162 đồng (Chín mươi ba triệu, hai trăm bốn hai ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc 67,482,862 đồng và tiền lãi phát sinh là 25,759,300 đồng.

Do vậy **V1** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê buộc ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** phải thanh toán cho **V1** số tiền là 93,242,162 đồng (Chín mươi ba triệu, hai trăm bốn hai ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc 67,482,862 đồng và tiền lãi phát sinh là 25,759,300 đồng.

Ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** tiếp tục trả lãi tính từ ngày 17/04/2024 cho đến khi ông **H** và bà **N1** thanh toán hết khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN191009175375 ngày 17/10/2019.

Trường hợp ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** (**Đặng Thị Thùy N1**) không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại **tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL406463, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09496 do **UBND quận T, thành phố Đà Nẵng** cấp ngày 30/10/2007 cho ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** theo Hợp đồng thế chấp số 005828 ký ngày 14/10/2019.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đồng thời nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản phản hồi và đều vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần thứ hai ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** (**Đặng Thị Thùy N1**), ông **Trương Thanh H1** và bà **Võ Thị Quỳnh N2** vắng mặt không có lý do.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

\* *Về tố tụng*: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

\* **Về nội dung vụ án:** Căn cứ Điều 463, 466 BLDS 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Việt Nam T**, buộc ông **H**, bà **N1** phải thanh toán số tiền theo hợp đồng cho vay tạm tính đến ngày 26/3/2024 là: **93,242,162 đồng**.

Ngoài ra ông **H**, bà **N1** còn có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/3/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** (**Đặng Thị Thùy N1**) không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại **tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL406463, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09496 do **UBND quận T**, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/10/2007 cho ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** theo Hợp đồng thế số 005828 ký ngày 14/10/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **A. Về tố tụng:**

Tranh chấp hợp đồng tín dụng số LN191009175375 ngày 17/10/2019 giữa **Ngân hàng TMCP S** đối với ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đồng thời nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản phản hồi và đều vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông **Trương**

Thanh H, bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1), ông Trương Thanh H1 và bà Võ Thị Quỳnh N2.

**\* Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu V1 buộc ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 phải thanh toán cho V1 số tiền là 93,242,162 đồng (Chín mươi ba triệu, hai trăm bốn hai ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc 67,482,862 đồng và tiền lãi phát sinh là 25,759,300 đồng.

Ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 tiếp tục trả lãi tính từ ngày 17/04/2024 cho đến khi ông H và bà N1 thanh toán hết khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN191009175375 ngày 17/10/2019.

HĐXX thấy: Ngày 17/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) đã ký Hợp đồng cho vay số LN191009175375 để ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên mục đích bổ sung vốn mở rộng phát triển kinh doanh tạp hóa, các kỳ trả nợ gốc và lãi theo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,4%/năm, lãi suất được tính theo năm là 365 ngày, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 đã trả được tổng số tiền là 577,858,162 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc là 382,517,138 đồng và tiền lãi là 195,341,024 đồng.

Tính đến ngày 16/04/2024, ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 còn nợ V1 theo Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là 93,242,162 đồng (Chín mươi ba triệu, hai trăm bốn hai ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc 67,482,862 đồng và tiền lãi phát sinh là 25,759,300 đồng.

Ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 tiếp tục trả lãi tính từ ngày 17/04/2024 cho đến khi ông H và bà N1 thanh toán hết khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN191009175375 ngày 17/10/2019.

Do vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP V2 đối với ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 là có cơ sở đúng theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự và các Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 nên chấp nhận toàn bộ.

[2] Trường hợp ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp là

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại **tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL406463, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09496 do **UBND quận T, thành phố Đà Nẵng** cấp ngày 30/10/2007 cho ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** theo Hợp đồng thế số 005828 ký ngày 14/10/2019.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại **3 đường N, tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** có công trình xây dựng trên đất là nhà ở diện tích xây dựng 141,4m<sup>2</sup> diện tích sử dụng là 141,4m<sup>2</sup>, kết cấu nhà 02 tầng, mái đúc tường xây, nền gạch men, cửa sắt, công xây rào sắt và cửa sắt.

Tứ cận: Phía đông giáp nhà ông **L1 (325/21 Nguyễn Phước N3)**.

P phía tây giáp nhà ông **L2 325/17 Nguyễn Phước N3**).

P phía nam giáp đường kiệt **Nguyễn Phước N3**.

P phía Bắc giáp nhà ông **L2**.

[3] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** phải chịu. Nộp lại cho **Ngân hàng TMCP V** để hoàn trả lại cho Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5] Ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Trương Thanh H** và bà **Đặng Thị N1** theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1).

Buộc ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) phải trả cho V1 tính đến ngày 16/04/2024 với số tiền là 93,242,162 đồng (Chín mươi ba triệu, hai trăm bốn hai ngàn, một trăm sáu hai đồng) trong đó tiền gốc 67,482,862 đồng và tiền lãi phát sinh là 25,759,300 đồng.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 17/04/2024 cho đến khi ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) thanh toán hết khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN191009175375 ngày 17/10/2019.

[2] Trường hợp ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ xử lý tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL406463, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09496 do UBND quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/10/2007 cho ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 theo Hợp đồng thế số 005828 ký ngày 14/10/2019.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại 3 đường N, tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng có công trình xây dựng trên đất là nhà ở diện tích xây dựng 141,4m<sup>2</sup> diện tích sử dụng là 141,4m<sup>2</sup>. kết cấu nhà 02 tầng, mái đúc tường xây, nền gạch men, cửa sắt, công xây rào sắt và cửa sắt.

Từ cận: Phía đông giáp nhà ông L1 (325/21 Nguyễn Phước N3)

Phía tây giáp nhà ông L2 325/17 Nguyễn Phước N3)

Phía nam giáp đường kiệt Nguyễn Phước N3

Phía Bắc giáp nhà ông L2

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ ông Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) phải chịu. Nộp lại cho Ngân hàng TMCP V3 để hoàn trả lại cho Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4. Án phí Dân sự sơ thẩm: Trương Thanh H và bà Đặng Thị N1 (Đặng Thị Thùy N1) được miễn toàn bộ.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí 9.186.584 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002250 ngày 25/10/2023.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai, sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- **Chi cục THADS quận T;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Thanh Khê;

- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;

- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê

Thành phố Đà Nẵng

(Giấy CNKH số: 37 ngày 26/4/2019);

- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Thu Ba**

